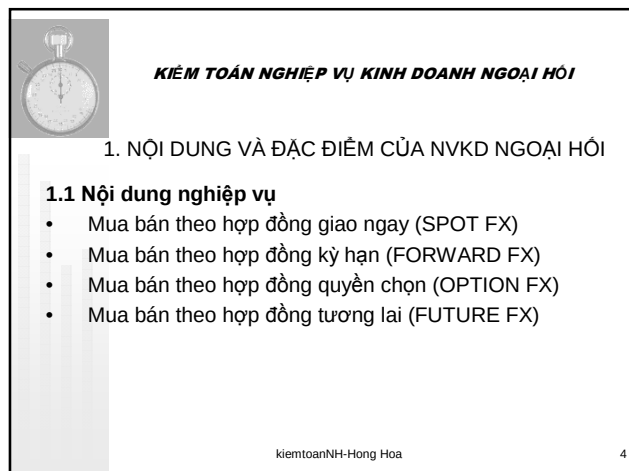
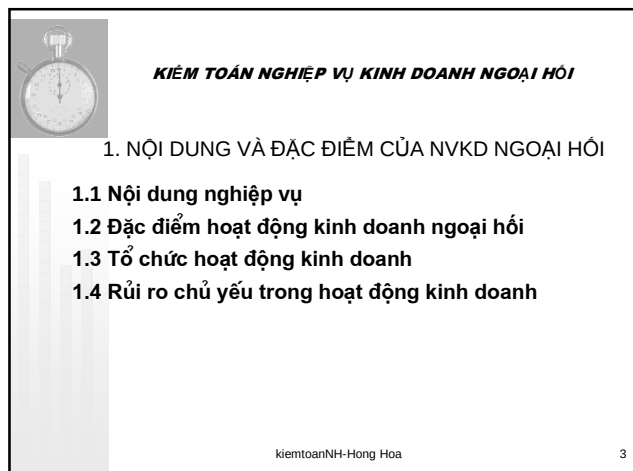
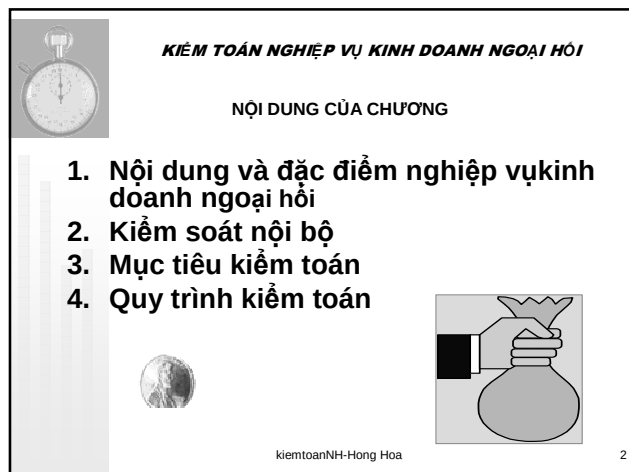




```

graph TD
    A[KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI] --> B[NHẬP LẠI]
    B --> C[Đặc điểm của giao dịch giao ngay]
    C --> D[CAM KẾT]
    C --> E[THỰC HIỆN]
    D --> F[Ngày giao dịch = DEAL DATE]
    E --> G[Ngày thanh toán = SETTLEMENT DATE]
    D --> H[thực hiện giao dịch hai ngày làm việc sau khi cam kết giao dịch:]
    E --> H
    H --> I[Table with 9 columns: T2, T3, T4, T5, T6, T7, CN, T2, T3]
  
```

	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3
ngày giao dịch	1	2	3	4	5	-	-		
ngày thanh toán	-	-	1	2	3	-	-	4	5

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI

NHẮC LẠI

Swap đồng tiền

```

    graph LR
      subgraph t0 [t = 0]
        C1[Company A] -- "USD 100" --> B1[Bank B]
        B1 -- "DM 140" --> C1
      end
      subgraph tn [t = n]
        C2[Company A] -- "DM 140" --> B2[Bank B]
        B2 -- "USD 100" --> C2
      end
      C1 <--> |"lãi suất cố định USD / DM"| B1
      C2 <--> |"lãi suất cố định USD / DM"| B2
  
```

```

graph TD
    A[Quyền lựa chọn dưới góc độ người mua] --> B[Người mua trả một khoản phí quyền lựa chọn để có quyền được mua = CALL hoặc được bán = PUT]
    A --> C[đối tượng quyền lựa chọn với một giá gốc đã thỏa thuận vào một thời điểm đã thỏa thuận (option kiểu châu Âu) hoặc trong một khoảng thời gian đã thỏa thuận (option kiểu Mỹ)]
  
```



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI

NHẮC LẠI

Quyền lựa chọn dưới góc độ người bán

Người bán nhận một khoản phí quyền lựa chọn để chịu trách nhiệm bị động phải bán = CALL hoặc phải mua = PUT

đối tượng quyền lựa chọn với giá gốc đã thỏa thuận

vào thời điểm đã thỏa thuận (option kiểu châu Âu) hoặc trong khoảng thời gian đã thỏa thuận (option kiểu Mỹ)

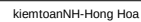
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỐI

- kiemtoanNH-Hong Hoa

9

1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỐI

Các bộ phận



10 |

1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD

The diagram illustrates the relationships between four business functions arranged in a 2x2 grid:

- Top Left:** Kinh doanh (Business)
- Top Right:** Kế toán và kiểm tra (Accounting and Audit)
- Bottom Left:** Kế toán (Accounting)
- Bottom Right:** Giám sát (Supervision)

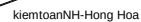
The relationships are indicated by arrows:

- Vertical double-headed arrows connect Kinh doanh to Kế toán, and Kế toán và kiểm tra to Giám sát.
- Horizontal double-headed arrows connect Kinh doanh to Kế toán và kiểm tra, and Kế toán to Giám sát.
- A central 'X' formed by two intersecting double-headed arrows connects Kinh doanh to Giám sát and Kế toán và kiểm tra to Kế toán.

kiemtoanNH-Hong Hoa

11

Phân tách chức năng: kinh doanh



12 |

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD
1.3 Tổ chức hoạt động kinh doanh

Dữ liệu bắt buộc

- Loại giao dịch
- Giá trị
- Điều kiện hợp đồng
- Thời hạn
- Đối tác
- Ngày tháng giao dịch
- Giờ giao dịch
- Giao dịch viên
- Số thứ tự
- Thỏa thuận phụ

Các dữ liệu cần thu thập

Khí thiết kế các mẫu biểu thu thập dữ liệu theo đặc thù sản phẩm, cần lưu ý tới...

- Loại rủi ro giá cả thị trường
- Loại sản phẩm
 - Hoán đổi
 - Quyền lựa chọn
 - Giao dịch có thời hạn
- Loại thị trường
 - Sở giao dịch
 - Giao dịch ngoài Sở

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các công cụ tài chính Derivative

- Biên độ chênh lệch giảm và chi phí tăng
- Khối lượng giao dịch tăng (đặc biệt là trong các giao dịch Derivative)
- Tính chất phức tạp tăng
- Tính biến động tăng
- Thời gian phản ứng trên thị trường rút ngắn lại

Mức độ rủi ro tăng

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Rủi ro -

- thất thoát do đối tác
 - rủi ro tín dụng
 - rủi ro do phải bù đắp thêm
 - rủi ro do ứng trước
- giá cả thị trường
 - mọi rủi ro có thể phát sinh do đối tác mất khả năng thanh toán

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Rủi ro -

- thất thoát do đối tác
 - rủi ro phát sinh do giá cả thị trường có những dao động
 - điều kiện: có một trạng thái mở
- giá cả thị trường
 - rủi ro đồng tiền
 - rủi ro lãi suất
 - rủi ro khác về giá (giá cổ phiếu, chỉ số)

Xác định rủi ro

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro thất thoát theo nhóm đối tượng: rủi ro TD

Định nghĩa

Rủi ro tín dụng là khoản thất thoát tiềm tàng phát sinh do không thu hồi được số vốn đã bỏ ra, (kể cả lãi đến hạn).

Ví dụ

Các món tín dụng, đầu tư bằng tiền hay chứng khoán

kiemtoanNH-Hong Hoa
17

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro thất thoát theo nhóm đối tượng: rủi ro do phải bù đắp thêm

Định nghĩa

Rủi ro do phải bù đắp thêm là khoản thất thoát tiềm tàng do chi phí phát sinh thêm cho một giao dịch mới thay thế giao dịch cũ không thực hiện được.

Ví dụ

Với đối tác A: Mua thời hạn 100 tr. USD giá 16.060 VND /USD
Với đối tác B: Bán thời hạn 100 tr. USD giá 16.065 VND/USD
Đối tác A: không thực hiện được hợp đồng, 16.068 DM/USD
tỷ giá hối đoái tăng lên giá 16.068 DM/USD
Với đối tác C: Giao dịch thay thế 100 tr. USD giá 16.068 DM/USD

LỖ: (16.068 - 16.065) = 3 VND/USD
THẤT THOÁT LÃI: (16.065 - 16.060) = 5 VND/USD

RỦI RO THẤT THOÁT: 800 tr VND (100 tr. USD x 8 VND/USD)

3

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro thất thoát theo nhóm đối tượng: rủi ro do ứng trước

Định nghĩa

Rủi ro do ứng trước là khoản thất thoát tiềm tàng phát sinh do phía đối tác không thực hiện nghĩa vụ của họ mặc dù trước đó ngân hàng đã thực hiện nghĩa vụ của mình.

Ví dụ

Đối với giao dịch USD/DM thì phải chịu rủi ro do ứng trước khoảng 6 tiếng đồng hồ, lý do là có chênh lệch thời gian giữa Đức và Mỹ nên phải cung cấp DM trước khi nhận được USD.

kiemtoanNH-Hong Hoa

19

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro thất thoát theo nhóm đối tượng: „rủi ro hệ thống“

Hiệu ứng Domino

Thành viên tham gia thị trường

Mất khả năng thanh toán

Thị trường sụp đổ

kiemtoanNH-Hong Hoa

20

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro về giá cả (rủi ro thị trường, rủi ro trạng thái)

Định nghĩa
Rủi ro về giá cả là khả năng thiệt hại có thể phát sinh do có sự thay đổi về giá cả của chứng chỉ gốc.
➔ chỉ phát sinh với các trạng thái mở

Lưu ý

Sự tích tụ rủi ro giá cả

- Sự biến động
- Tương quan giữa các
 - thời hạn
 - đồng tiền
 - chủng loại
 - loại hình rủi ro

khác nhau

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Rủi ro về vốn khả dụng

Các loại rủi ro

Định nghĩa
Rủi ro về vốn khả dụng là khả năng thiệt hại có thể phát sinh do thiếu nguồn tiền để thực hiện trách nhiệm thanh toán khi đến kỳ hạn thanh toán hoặc để ký kết các hợp đồng giao dịch khác nhằm mục đích cân đối cũng như cải thiện các trạng thái mở của mình (rủi ro bên trong).

Giới hạn
Rủi ro về việc giao dịch kinh doanh có thể không thực hiện được hoặc bị hủy bỏ do thiếu chiều sâu thị trường hoặc do thị trường không ổn định (rủi ro bên ngoài).

Rủi ro về vốn khả dụng trên thị trường!

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro trong hoạt động

Ngân hàng phải gánh chịu thiệt hại hoặc „chi phí bổ sung“ do những hành động hoặc biện pháp xuất phát từ các điểm yếu trong tổ chức cơ cấu hoặc tổ chức quy trình gây ra.

Thanh toán hai lần

Thanh toán chậm trễ và do đó bị khiếu nại truy đòi

Rủi ro

Có những trạng thái mở không phát hiện ra và do đó phát sinh rủi ro về giá cả

Các hành vi lừa đảo - gian lận

kiemtoanNH-Hong Hoa

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
1. NỘI DUNG VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA NVKD NGOẠI HỜI
1.4 RR chủ yếu trong hoạt động kinh doanh ngoại hối

Các loại rủi ro

Rủi ro về pháp lý

Định nghĩa
Ngân hàng chịu thiệt hại...

- do đối tác không công nhận các thỏa thuận trong hợp đồng.
- do các thỏa thuận trong hợp đồng không phù hợp với các thể chế pháp lý khác.
- do hiểu sai các thỏa thuận trong hợp đồng.

kiemtoanNH-Hong Hoa



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HÒI

2. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

YÊU CẦU

1. Thực hiện đúng các yêu cầu tối thiểu về kinh doanh đã được công nhận trên bình diện quốc tế
 - Có khuôn khổ cho kinh doanh giao dịch
 - Các giao dịch chỉ được thực hiện khi đáp ứng được các điều kiện giao dịch phù hợp với thị trường
 - Quy định về lưu giữ hồ sơ
 - Thực hiện đúng quy trình đưa SP mới ra thị trường
2. Các loại hình rủi ro trong kinh doanh cần được nhận biết và kiểm soát đầy đủ
 - Xác định được rủi ro
 - Phân tách chức năng
 - Các quy định cho trường hợp đặc biệt

kiemtoanNH-Hong Hoa

25



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HÒI

2. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Các chốt kiểm soát- F.O
- Tính kịp thời của việc thu thập thông tin và ghi nhận thông tin vào thời điểm giao dịch
- Chấp hành hạn mức
- Điều kiện phù hợp thị trường

kiemtoanNH-Hong Hoa

26



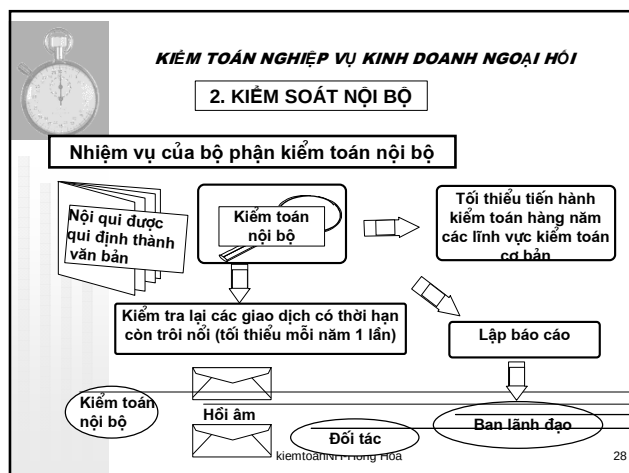
KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HÒI

2. KIỂM SOÁT NỘI BỘ

- Các chốt kiểm soát -B.O
- Kiểm soát việc gửi và thu thập xác nhận
- Ghi chép các số liệu giao dịch
- Tính đầy đủ, kịp thời của việc ghi nhận số liệu
- Kiểm soát rủi ro

kiemtoanNH-Hong Hoa

27





KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

3. Mục tiêu và đối tượng kiểm toán

Mục tiêu

- Đánh giá tính đầy đủ, nghiêm túc, đúng đắn trong quá trình thực hiện nghiệp vụ
- Đánh giá tình trạng rủi ro của toàn bộ nghiệp vụ kinh doanh, các biện pháp quản lý rủi ro
- Đáp ứng một số yêu cầu cơ sở dẫn liệu đảm bảo doanh thu ngoại tệ phát sinh trong kỳ là hợp lý.

Đối tượng

- Kiểm toán sự phân tách chức năng
- Kiểm toán tính phù hợp với thị trường
- Kiểm toán việc đưa các dữ liệu vào hệ thống hạch toán
- Kiểm toán việc quản lý rủi ro

kientoanNH-Hong Hoa

30



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

4.3 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM CƠ BẢN

kientoanNH-Hong Hoa

30



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.1 Đánh giá rủi ro tiềm tàng

Loại hình	Rủi ro TT thấp	Rủi ro TT cao
Giao dịch giao ngay (S) và kỳ hạn (F)	Các giao dịch kỳ hạn tương đối ít	F có số lượng tương đối lớn, đặc biệt là các F có kỳ hạn dài
Đối tác	Đối tác ổn định có giao dịch thường xuyên	Giao dịch một lần với các đối tác mới có số lượng lớn và thay đổi đối tác với mức độ cao
Phương thức đánh giá ngoại hối	Phương thức tương đối đơn giản	Bao gồm nhiều phép tính phức tạp

kientoanNH-Hong Hoa

31



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

4.1.1 Đánh giá rủi ro tiềm tàng (TT)

Loại hình	Rủi ro TT thấp	Rủi ro TT cao
Loại đơn vị tiền tệ	Dễ thanh khoản, giao dịch tích cực	Khó thanh khoản
Phạm vi giao dịch nội bộ	Ít	Nhiều
Phương thức đánh giá ngoại hối	Phương thức tương đối đơn giản	Bao gồm nhiều phép tính phức tạp
Mức độ phức tạp của hoạt động hạch toán	Tương đối đơn giản	Phức tạp

kientoanNH-Hong Hoa

32



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

3.1.2 Đánh giá rủi ro kiểm soát

- Không thực hiện đúng nguyên tắc phân tách chức năng
- Không có hệ thống hạn mức và theo dõi thực hiện hệ thống hợp lý
- Không nhận biết hết các nguy cơ gây ra rủi ro và giám sát chặt chẽ các trạng thái ngoại hối
- Không có hoạt động kiểm soát, dự báo diễn biến thị trường một cách hợp lý

kiemtoanNH-Hong Hoa

33



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

3.1.2 Phân tích.

- Xem xét, đánh giá tổng lợi nhuận của kinh doanh ngoại hối, so sánh với dự toán và với năm trước
- Xem xét và đánh giá doanh số giao dịch biến đổi trong năm theo thời gian và theo loại tiền tệ, bao gồm phân tích đáo hạn (Maturity analysis) và cấu trúc (cơ cấu) của những hợp đồng chưa đáo hạn ...

để xác định quy mô, độ phức tạp của kinh doanh

- Đánh giá cách thức tổ chức kinh doanh giao dịch để xem xét rủi ro KSNB

•

kiemtoanNH-Hong Hoa

34



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.1 LẬP KẾ HOẠCH KIỂM TOÁN

3.1.2 Phân tích.

Các lĩnh vực kiểm toán quan trọng

Hệ thống hạn mức

Tính toán các khoản mục và kết quả

Tính đầy đủ, chính xác và kịp thời của hệ thống báo cáo nội bộ

Các thay đổi trong hệ thống xử lý số liệu điện tử

Phân tách chức năng

Tính phù hợp thị trường của các điều kiện

Xác nhận và tái xác nhận



Hong Hoa

kiemtoanNH-Hong Hoa

35



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.2 THỰC HIỆN THỬ NGHIỆM KIỂM SOÁT

KT Hệ thống hạn mức

Việc xác định rủi ro
→ nhận biết mọi rủi ro bên trong của giao dịch

Việc định lượng rủi ro
→ tính toán rủi ro (nhiều mức tổng hợp khác nhau)

Việc điều tiết rủi ro
→ hạn chế rủi ro

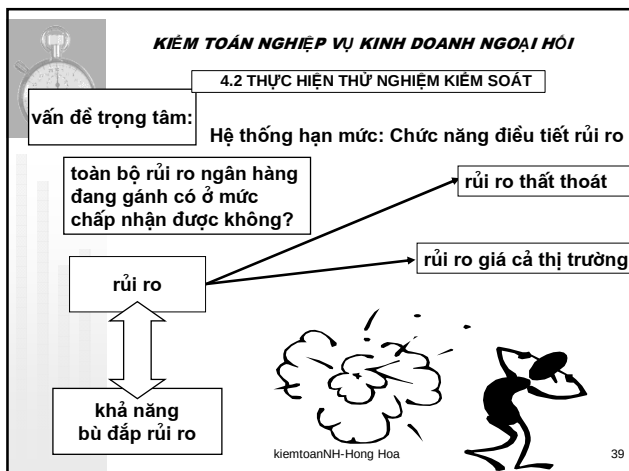
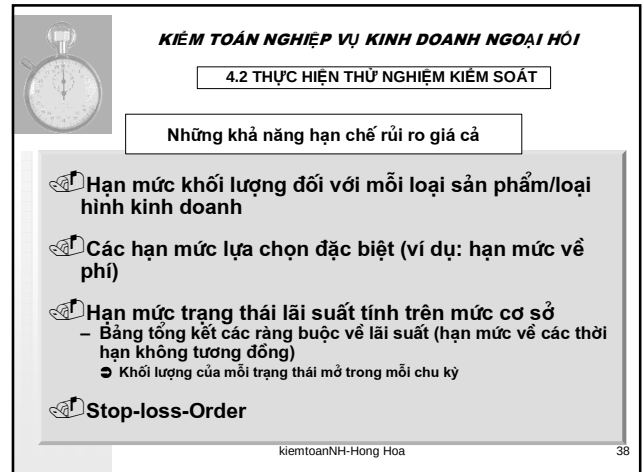
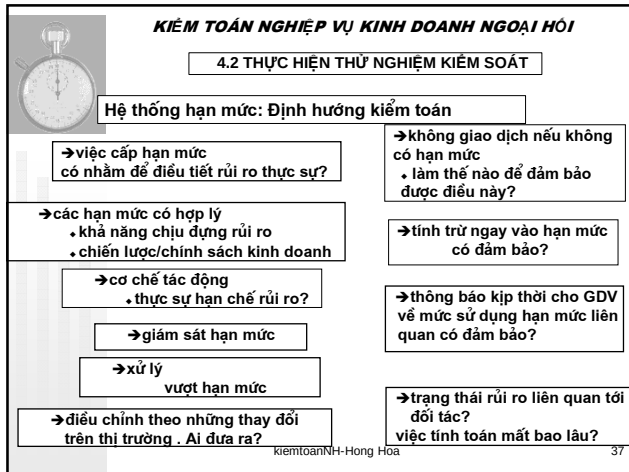
Việc giám sát rủi ro
→ các biện pháp
• nhận biết
• xử lý các trường hợp vượt hạn mức

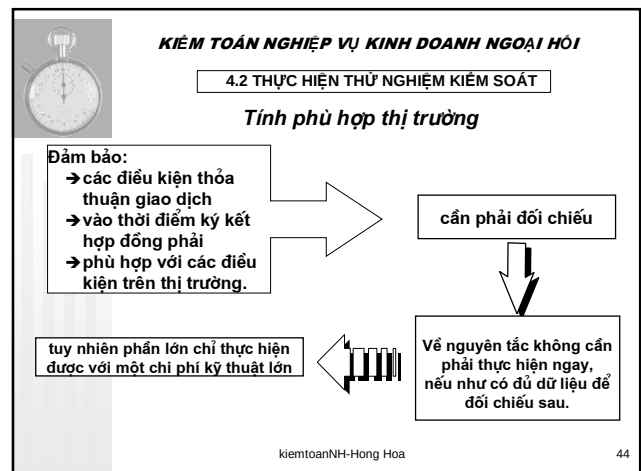
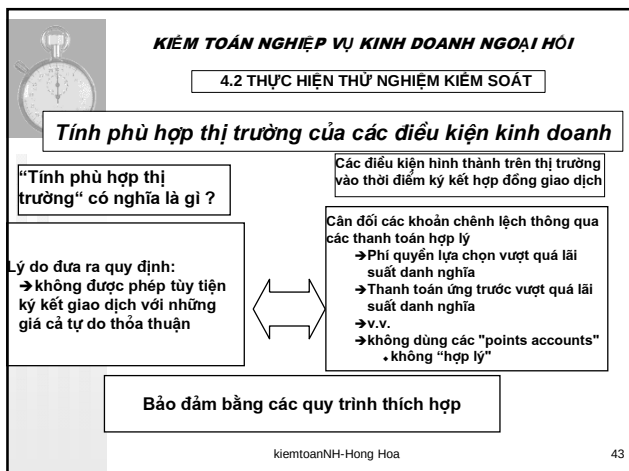
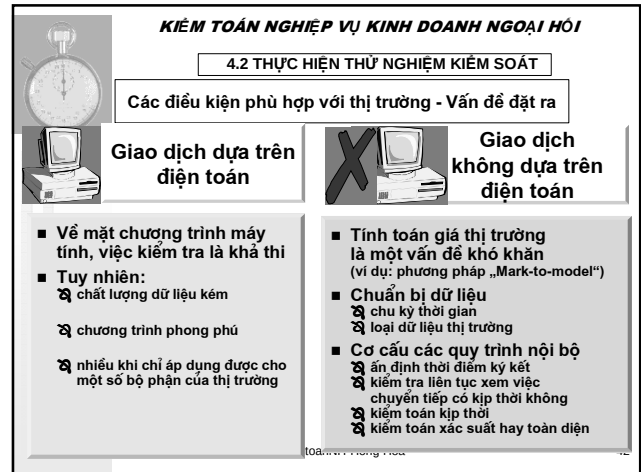
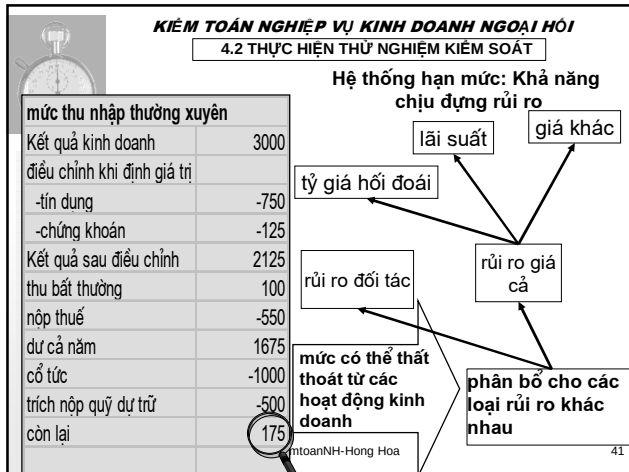
Kiểm toán hệ thống hạn mức bao gồm:



kiemtoanNH-Hong Hoa

36





KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
4.2 THỰC HIỆN THỦ NGHĨEM KIỂM SOÁT

Biên độ

Vấn đề đặt ra đối với biên độ

về nguyên tắc chỉ cần thiết khi không đúng lúc ghi nhận giá cả

Mục đích:
 → Đón chặn những biến động về giá cả có thể phát sinh trong khoảng thời gian từ khi
 • ký kết giao dịch đến lần
 • ghi nhận tiếp theo các điều kiện thị trường

Vấn đề:
 nếu quá hẹp: liên tục bị vượt quá, không có phương tiện giám sát phù hợp
 nếu quá rộng: không bị vượt quá, nhưng biên độ không có tác dụng

kiemtoanNH-Hong Hoa

45

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
4.2 THỰC HIỆN THỦ NGHĨEM KIỂM SOÁT

Biên độ

Việc quy định biên độ phụ thuộc vào
 → Tổ chức hoạt động kiểm toán tính phù hợp thị trường
 → Độ biến động của từng loại giá thị trường

Các khả năng kỹ thuật để ghi nhận dữ liệu thị trường
 → ghi nhận tự động
 • Chu kỳ ghi nhận (từng phút, 10 phút một lần, v.v.)

Không ghi nhận dữ liệu thị trường
 → Chu kỳ thời gian để có thể kiểm tra sớm nhất bằng cách thủ công

và...
 Độ biến động
 → biến động mạnh
 => biên độ rộng
 ...phải thường xuyên kiểm tra tính hợp lý vì những tiêu chí nói trên thay đổi

kiemtoanNH-Hong Hoa

46

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
4.2 THỰC HIỆN THỦ NGHĨEM KIỂM SOÁT

Gia hạn giao dịch

Điều kiện:

Gia hạn quá 6 tháng:
 → Khách hàng phải giải trình cụ thể về tính chất hàng hóa hoặc dịch vụ
 → Chứng minh sự cần thiết phải gia hạn

Gia hạn dưới 6 tháng:
 → được sự chấp thuận rõ ràng của Ban giám đốc
 → theo nguyện vọng được thể hiện một cách rõ ràng bằng văn bản của khách hàng
 → khách hàng không phải là ngân hàng
 → chứng minh tính chất giao dịch có thực
 → nghĩa vụ chứng minh bản thân của khách hàng
 → chỉ gia hạn những giao dịch ngoại hối thời hạn của chính ngân hàng mình

kiemtoanNH-Hong Hoa

47

KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỜI
4.2 THỰC HIỆN THỦ NGHĨEM KIỂM SOÁT

Xác nhận và xác nhận phản hồi

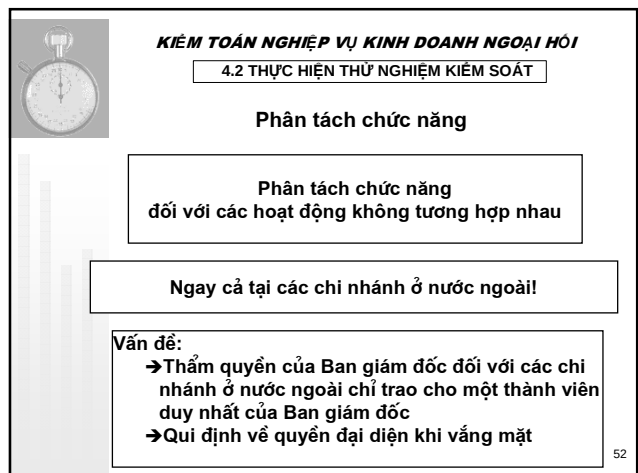
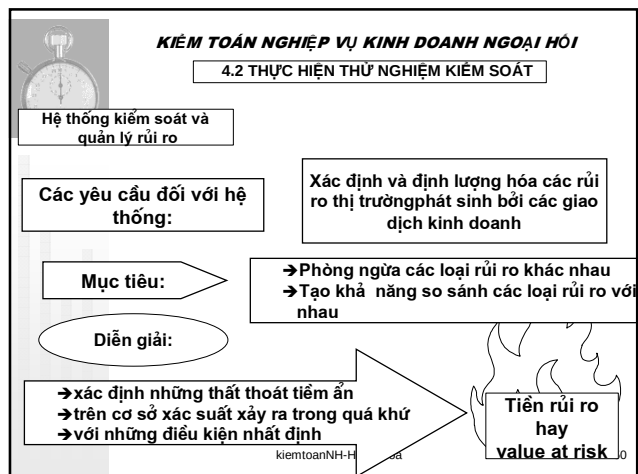
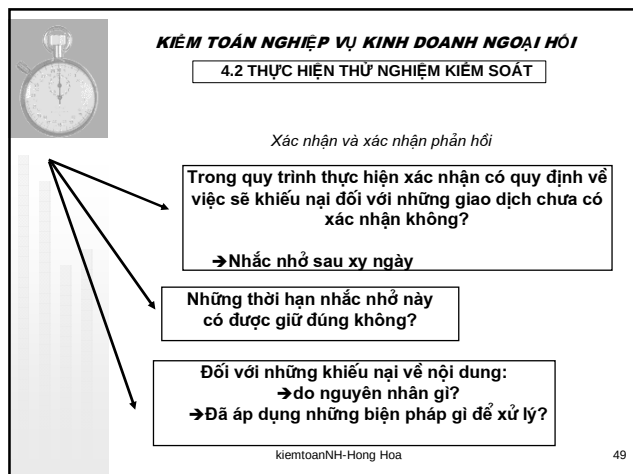
Quy trình thực hiện việc xác nhận
 → đầu mỗi để xác nhận số dư tài khoản!
 → Tất cả các giao dịch có được thể hiện trong hệ thống sao cho có thể lập xác nhận một cách đúng quy định hay không?
 → Xác nhận từ bộ phận nào?
 • Front-Office
 • Back-Office

→ Có đảm bảo rằng
 • đối với mỗi một giao dịch được ký kết
 • đều có một xác nhận của chính ngân hàng mình
 → hay không?

→ Có xác nhận tất cả mọi giao dịch với tất cả các dữ liệu không?
 (chức năng đối chiếu)

kiemtoanNH-Hong Hoa

48





KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.3 Thực hiện thử nghiệm cơ bản

- Điều tra cách tính và tỷ giá để ghi nhận thu nhập trong năm
- Thực hiện thử nghiệm về chia cắt niên độ (cut off) và sự đầy đủ:
 - Xem xét, đánh giá những thư xác nhận được gửi đi và thu thập được.
 - Xem xét những đối chiếu và điều chỉnh những sai biệt trên sổ sách của người thực hiện hợp đồng với bộ phận hậu kiểm.
 - Kiểm tra những giao dịch trước và sau thời điểm kết thúc niên độ.

kiemtoanNH-Hong Hoa

53



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.3 Thực hiện thử nghiệm cơ bản

- Xác nhận quyền sở hữu, sự hiện hữu và đầy đủ của các hợp đồng ngoại hối: kiểm tra sự xác nhận của bên thứ ba hoặc sự xác nhận trực tiếp với đối tác, bao gồm cả những đối tác có số dư bằng không.
- Xem xét việc đánh giá giá trị hợp đồng và việc ghi nhận lãi lỗ hàng ngày: kiểm tra tỷ giá (dựa trên các nguồn độc lập) và công thức sử dụng hợp lý.

kiemtoanNH-Hong Hoa

54



KIỂM TOÁN NGHIỆP VỤ KINH DOANH NGOẠI HỐI

4. QUY TRÌNH KIỂM TOÁN

4.3 Thực hiện thử nghiệm cơ bản

- Xem xét, đánh giá khả năng thực hiện nghĩa vụ hợp đồng của các đối tác có nhiều hợp đồng.
- Xem xét, đánh giá việc sử dụng các nguyên tắc kế toán có hợp lý, nhất quán và tuân thủ các chuẩn mực hay không.
- Đảm bảo việc trình bày, báo cáo tuân thủ theo quy định của chuẩn mực

kiemtoanNH-Hong Hoa

55




kiemtoanNH-Hong Hoa

56